

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Vinh.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, về việc ly hôn tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, địa chỉ: Tổ C 2 (Cũ là Khu 4), phường T, quận K, thành phố H; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Hữu Cường; địa chỉ: Tổ C 2 (Cũ là Khu 4), phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2020, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày: Chị Trịnh Thị L và anh Trần Hữu C có làm thủ tục kết hôn ngày 23/10/2007, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị L và anh C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị L và anh C chung sống tại Tổ C 2 (Cũ là Khu 4), phường T, quận K, thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên

giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã 03 lần sống ly thân: Năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố H ở khoảng 1 tháng thì chị L và anh C về đoàn tụ; đến tháng 6/2019 do mâu thuẫn vợ chồng chị L lại về nhà mẹ đẻ ở sống ly thân với anh C, khoảng 3 tháng thì anh C và chị L lại quay về chung sống với nhau; đến tháng 9/2020 một lần nữa chị L lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh C từ đó đến nay, thời gian sống ly thân lần này anh C không đến thăm chị L cũng không có ý định hàn gắn đoàn tụ. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Chị L và anh C có một con chung là Trần Hữu H, sinh ngày 18/7/2006, hiện nay cháu H đang ở cùng anh C; khi ly hôn chị L đề nghị giao con chung là Trần Hữu H cho anh C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Trần Hữu C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh C, không tiến hành hòa giải được và anh C cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp L Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại bản tự khai của Trần Hữu H là con của chị Trịnh Thị L và anh Trần Hữu C thể hiện: Nguyên vọng của cháu Trần Hữu H khi bố mẹ ly hôn là xin được ở với bố là Trần Hữu C.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/01/2021, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Trần Hữu C trình bày: Anh Trần Hữu C và chị Trịnh Thị L đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND phường T, quận K, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại nhà số 134 T, tổ C 2, phường T, quận K, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ khoảng 5 lần và lần cuối cùng là tháng 9 năm 2020 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay ở tại xã M, huyện A, thành phố H. Do chị L đi theo người đàn ông khác, chị L bỏ đi một mình, để con cho anh C nuôi dưỡng. Nay chị L xin ly hôn bà N không có ý kiến gì, tùy quyết định của anh C và chị L. Bà N cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị L vẫn bỏ đi. Về con chung: Anh C và chị L có 01 con chung là Trần Hữu H, sinh ngày 18/7/2006. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C và chị L không có tài sản chung và công nợ chung. Tất cả các tài liệu Tòa án giao tôi nhận thay cháu Trần Hữu C, tôi đã giao tận tay cháu Trần Hữu C.

Tại Biên bản xác minh, địa phương đã cùng cung cấp: Anh Trần Hữu C, sinh năm 1988 đang cư trú tại: Nhà số 134 T, tổ C 2, phường T, quận K, thành phố H. Anh Trần Hữu C và chị Trịnh Thị L đăng ký kết hôn ngày 23/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết

hôn anh C và chị L sống tại nhà số 134 T, tổ C 2, phường T, quận K, thành phố H. Thời gian đầu chị L và anh C sống vui vẻ, hạnh phúc, đến khoảng tháng 9 năm 2020 chị L đã bỏ đi không còn chung sống tại địa chỉ trên từ đó đến nay. Chị L và anh C có 01 con chung là Trần Hữu H, sinh ngày 18/7/2006. Địa phương không nắm được mẫu thuẫn cụ thể giữa anh C và chị L, không nắm được tài sản chung giữa chị L và anh C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị L ly hôn anh C. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Trần Hữu H, sinh ngày 18/7/2006 cho anh Trần Hữu C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 08 tháng 12 năm 2020 chị Trịnh Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Hữu C; bị đơn là anh Trần Hữu C, trú tại phường T, quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Trần Hữu C không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trần Hữu C.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị L và anh Trần Hữu C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 23 tháng 10 năm 2007. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Trịnh Thị L và anh Trần Hữu C đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đã sống ly thân; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C để giải quyết việc chị L có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị L và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Trần Hữu C. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị L và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Trịnh Thị L và anh Trần Hữu C có một con chung là Trần Hữu H, sinh ngày 18/7/2006. Từ khi chị L và anh C sống ly thân, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hữu H, khi ly hôn chị L xin được giao con cho anh Cường tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của cháu H cần được chấp nhận. Giao cho anh Trần Hữu C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hữu H đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Trịnh Thị L, anh Trần Hữu C có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Trịnh Thị L, anh Trần Hữu C có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trịnh Thị L phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị L:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị L và anh Trần Hữu C.

- Về con chung: Chị Trịnh Thị Lệ và anh Trần Hữu Cường có một con chung là Trần Hữu H, sinh ngày 18/7/2006. Giao cho anh Trần Hữu C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hữu H đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Trịnh Thị L, anh Trần Hữu C có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015185 ngày 09/12/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Trịnh Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trịnh Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Hữu C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, thành phố H
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bình Nguyễn Công Biên

Cao Đăng Trình

